

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá của Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại tổng hợp Hoàng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Văn bản số 10811/STNMT-BVMT ngày 25/11/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá của Công ty CP xây dựng và thương mại tổng hợp Hoàng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại Tờ trình số 258/Tr-STNMT ngày 28/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là Dự án) của

Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại tổng hợp Hoàng Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại tổng hợp Hoàng Sơn thực hiện tại xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa, Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại tổng hợp Hoàng Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ NN&MT (để b/c);
- UBND xã Thiệu Thành (để giám sát);
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường
tại xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
của Công ty CP xây dựng và thương mại tổng hợp Hoàng Sơn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Địa điểm thực hiện dự án: Tại xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư: Công ty CP xây dựng và thương mại tổng hợp Hoàng Sơn.
- + Người đại diện: (Ông) Nguyễn Hữu Cường - Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ liên hệ: Nhà Ông Nguyễn Văn Sâm, tiểu khu 2, thị trấn Thiệu Hoá, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.
- Vị trí địa lý:
 - + Khu vực mỏ nằm phía Tây Nam của núi Mầu thuộc địa phận xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Ranh giới khu vực mỏ được giới hạn bởi tọa độ các điểm góc theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến gốc 105^0 , múi chiếu 3^0 như sau:

Điểm góc	TOẠ ĐỘ VN 2000	
	(Kinh tuyến trục $105^000'$, múi chiếu 3^0)	
	X(m)	Y(m)
1	2204 778,00	565 564,00
2	2204 751,14	565 519,75
3	2204 740,79	565 493,82
4	2204 568,00	565 573,81
5	2204 637,64	565 709,30

+ Ranh giới tiếp giáp như sau: Phía Bắc, Tây Bắc giáp với núi đá vôi và mỏ đang khai thác của Công ty Hoàng Sơn; Phía Đông và phía Nam giáp núi đá vôi; Phía Tây, Tây Nam giáp với đất sản xuất nông nghiệp và sông Mậu Khê, khoảng cách gần nhất khoảng 10m.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi, quy mô: Tổng diện tích khu mỏ là: 22.000 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4 và 5.
- Công suất khai thác: 60.000 m³/năm.
- Thời gian khai thác: 13 năm (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản mỏ khoảng 06 tháng).

1.3. Công nghệ khai thác

Công nghệ khai thác, chế biến đá VLXD cụ thể như sau:

- Khai thác bằng phương pháp khoan, nổ mìn phá đá để khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường, công tác xúc bốc vận tải thực hiện tại chân tuyến vận chuyển bằng ô tô đến khu vực chế biến (nằm ngoài phạm vi mỏ).
- Quy trình công nghệ khai thác như sau: Bóc tầng phủ → khoan nổ mìn → bóc xúc → vận chuyển đi tiêu thụ/chế biến.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình chính

- Tuyến đường công nhân lên núi: Từ mặt bằng sân công nghiệp lên tuyến tiếp nhận đá nguyên khai, từ cos +9,0m lên cos +110,0m, chiều dài 267m, chiều rộng 1,5m.
- Tạo mặt bằng công tác ban đầu: tại cos +80,0m, diện tích 365 m².
- Xén chân tuyến tạo tuyến tiếp nhận đá: tại cos +9,0m; diện tích 796m².
- Bãi thải dự kiến sẽ bố trí vào năm thứ 10 để lưu trữ đất phục vụ cho việc san gạt cải tạo moong khai thác, diện tích khoảng 200m². Tường được xây bằng đá hộc, chiều dài tường kè 50m, cao 0,5m, cửa vào bãi thải rộng 10m để chứa đất đá thải.
- Hồ lắng có thể tích: 765 m³, được đào trên nền đất đá tự nhiên, đáy kè đá hộc độ dốc 1:1, chia 02 ngăn: Ngăn 01 có thể tích 390 m³, kích thước: 13,0mx10x3m; ngăn 02 có thể tích 375 m³, kích thước: 12,5mx10mx3m.
- Rãnh thoát nước có chiều dài 160m, rộng 0,5m.

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động khai thác đá vôi làm VLXD thông thường gồm: Khoan nổ mìn, xúc bốc, vận chuyển đi tiêu thụ hoặc đưa về khu vực chế biến ngoài mỏ.
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại mỏ.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Các tác động môi trường chính của Dự án trong giai đoạn vận hành như sau:

- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng khu vực khai thác.
- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn, xúc bốc, vận chuyển.
- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các thiết bị khai thác.
- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động bốc xúc, vận chuyển.
- Chất thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng phát sinh từ các hoạt động của Dự án.
- Quá trình nổ mìn, khai thác, vận chuyển đá thành phẩm, đá thải phát sinh tiếng ồn, độ rung gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động.

- Quá trình phát quang thảm thực vật, khai thác làm mất lớp phủ thực vật, ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực khai thác.

- Các rủi ro, sự cố do cháy nổ, trượt lở bờ mỏ, trượt lở bãi thải, tai nạn lao động.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư (giai đoạn vận hành dự án)

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt khoảng 0,3 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: TSS, BOD₅, COD và tổng Nitơ (N), tổng Photpho (P), coliform,...

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực mỏ ngày mưa lớn nhất khoảng 446 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: đất, đá, rác thải,...

- Nước từ quá trình rửa lốp bánh xe phát sinh khoảng 2 m³/ngày.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn phá đá, từ hoạt động bốc xúc, từ hoạt động vận chuyển đất đá đi tiêu thụ và về khu vực chế biến; hoạt động của các thiết bị, máy móc khai thác. Thành phần chủ yếu: Bụi, SO₂, NO_x, CO,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 6 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: túi nilon, thủy tinh, thức ăn thừa, vỏ hoa quả,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

Đất đá thải từ quá trình khai thác khoảng 885 m³/năm. Thành phần chủ yếu là đất xen kẹp trong đá, đất phủ phong hoá.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại dạng rắn có khối lượng khoảng 3,0 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa ...

- Chất thải lỏng nguy hại dạng lỏng có khối lượng khoảng 21,0 lít/năm. Thành phần chủ yếu là dầu máy thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

- Tác động do ồn, rung: Phát sinh từ hoạt động nổ mìn, từ hoạt động nghiền sàng, vận chuyển, bốc xúc từ hoạt động của máy móc, thiết bị.

- Theo tính toán, khoảng cách an toàn đối với người và công trình do đá văng, chấn động và sóng không khí trong quá trình nổ mìn tối thiểu là 59,46 m; theo quy định tại QCVN 01:2019/BCT khoảng 200m.

- Tác động do sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư (giai đoạn vận hành dự án)

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt tại khu vực dự án: Bố trí 01 nhà vệ sinh di động tại khu vực mỏ và hợp đồng với đơn vị có chức năng hút xử lý định kỳ.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực mỏ một phần thấm tự nhiên xuống các khe đá, một phần chảy tràn theo sườn núi về phía Tây và Tây Nam khu vực mỏ về hồ lắng với thể tích 765m^3 được chia làm 2 ngăn, ngăn 1 thể tích 390m^3 , kích thước $13,0\text{m} \times 10\text{m} \times 3\text{m}$; ngăn 2 thể tích 375m^3 , kích thước $12,5\text{m} \times 10\text{m} \times 3\text{m}$. Nước mưa sau khi lắng tại ngăn 2, một phần tuần hoàn cho quá trình sản xuất, một phần chảy theo mương KT $0,5\text{m} \times 0,5\text{m}$ ra Sông Mậu Khê (trong trường hợp mưa lớn kéo dài).

- Nước thải từ quá trình rửa lốp bánh xe ra khỏi khu vực mỏ chảy về hồ lắng 2 ngăn cùng nước mưa chảy tràn bằng rãnh thoát nước kích thước $0,5\text{m} \times 0,5\text{m}$.

4.1.2. Đối với thu gom xử lý bụi, khí thải

- Áp dụng phương pháp nổ mìn vi sai và thuốc nổ theo hồ sơ thiết kế cơ sở đã được duyệt để giảm thiểu phát tán bụi và khí thải.

- Tuân thủ quy trình kỹ thuật khi tiến hành nổ mìn, không chế khoảng cách an toàn đối với người và thiết bị, máy móc.

- Bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên các máy thi công và phương tiện vận tải làm việc trong mỏ; các phương tiện vận chuyển phải có bạt che phủ.

- Việc nổ mìn phải được bóc sạch tầng phủ trước khi thực hiện nhằm hạn chế thấp nhất lượng bụi phát tán vào không khí.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp tại mỏ theo quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động và an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Thường xuyên phun nước tại những khu vực phát sinh bụi (khu vực khai thác; khu vực đường vận tải nội mỏ).

- Phương tiện vận tải của khu vực mỏ khi ra khỏi khu vực khai thác sẽ được rửa lốp bánh xe, bố trí tại khu vực ra vào khu vực mỏ.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Rác thải sinh hoạt được đưa về tập kết và đưa đi xử lý cùng với rác sinh hoạt tại khu mỏ của Công ty CP xây dựng và thương mại tổng hợp Hoàng Sơn đã được cấp phép khai thác (tại Giấy phép số 436/GP-UBND ngày 25/11/2014).

- Chất thải thông thường phát sinh trong quá trình khai thác chủ yếu là đất đá thải được tận dụng để san lấp tuyến đường nội mỏ; phần còn lại san lấp moong khai thác theo phương án cuốn chiếu, khai thác đến đâu cải tạo đến đó. Đến năm khai thác thứ 10, chủ đầu tư sẽ bố trí bãi thải có diện tích diện tích 200m^2 (có tường bao quanh được xây bằng đá hộc; chiều dài tường kẻ 50m , cao $0,5\text{m}$, cửa vào bãi thải rộng 10m) để lưu chứa lượng đất đá thải phát sinh,

tổng khối lượng đất đá thải cần để phục vụ cải tạo phục hồi môi trường trong 3 năm cuối khoảng 1.400 m³, một phần để san lấp tuyến đường nội mỏ, phần còn lại chức tại bãi thải.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Toàn bộ chất thải nguy hại: thu gom và lưu giữ trong kho chất thải nguy hại có diện tích 10 m², hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị làm việc tại mỏ, trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên lao động trực tiếp.

- Hạn chế sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị trên công trường thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng tiếng ồn, rung.

- Bố trí lao động thích hợp, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại khu vực phát sinh tiếng ồn cao.

- Áp dụng phương án nổ mìn kỹ thuật đảm bảo an toàn cho các công trình xung quanh khu vực Dự án; thực hiện nổ mìn theo đúng phương pháp và hộ chiếu nổ mìn được cơ quan chức năng phê duyệt.

- Bố trí hợp lý giờ làm việc tuân thủ theo đúng quy định.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Tại khu vực khai trường khai thác: hàng năm, tiến hành gia cố bờ đáy mỏ khai thác và các tầng khai thác, gia cố mái taluy xung quanh khu vực khai trường đã kết thúc khai thác, hạn chế sạt lở ra khu vực xung quanh.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi mức nước trong hồ lắng (trong trường hợp mưa lớn), nhằm kịp thời xử lý các tình huống tránh sự cố xảy ra; không để nước sau xử lý tại hồ lắng chảy tràn vào khu vực ao của các hộ dân xung quanh.

- Thực hiện nổ mìn theo đúng hộ chiếu nổ mìn đã được phê duyệt.

- Trang bị bình chữa cháy, kiểm tra đường dây, thiết bị điện, cấm hút thuốc ở gần kho vật liệu nổ công nghiệp.

- Thực hiện theo phương án ứng phó sự cố khi xảy ra sạt lở, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Yêu cầu công nhân tuân thủ nghiêm túc an toàn lao động; thực hiện chương trình kiểm tra và giám sát sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân.

4.4.2. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

- Khu vực khai thác: Cậy gỡ đá treo, đá om trên các sườn tầng; cấm biên báo nguy hiểm; tháo dỡ và di chuyển các công trình ra khỏi mỏ; san gạt mặt bằng, phủ đất màu; trồng cỏ khu vực đáy moong.

- Khu vực xây dựng công trình (tại khu vực khai thác): Tháo dỡ cột điện, dây điện; di dời máy móc thiết bị, nhà vệ sinh di động, kho chứa CTNH.

Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
I	Khu vực khai thác		
1	Cây gỡ đá treo bằng thủ công	m ³	22,8
2	Làm biển báo bê tông cốt thép, loại tam giác 0,7x0, 7x0, 7m	cái	5,0
3	Chi phí xây dựng cột biển báo	cái	5,0
4	Mua đất màu	m ³	1.560
5	Chi phí vận chuyển đất màu cự ly <300m (1km đầu)	m ³	1.560
6	San gạt đất bằng máy ủi 110 CV	m ³	4.680
7	Trồng cỏ gừng	ha	1,56
II	Khu vực xây dựng công trình		
1	Phá dỡ tường bao của bãi thải	m ³	7,5
2	Phá dỡ tường gạch rãnh thoát nước	m ³	10,59
3	Phá dỡ tường kê đá hồ lắng	m ³	69,3
4	Lấp hồ lắng, rãnh thoát nước	m ³	805,0
5	Phá dỡ nền móng vỉa xi măng	m ³	0,3
6	Phá dỡ móng đá kho CTNH	m ³	1,68
7	Tháo dỡ tường tôn, mái tôn kho CTNH	m ²	22
8	Lấp hồ lắng rửa lớp bánh xe	m ³	4,0
9	Phá dỡ bê tông không cốt thép khu vực rửa lớp bánh xe	m ³	11
10	Thông hút bể tự hoại (nhà vệ sinh di động)	công	1
11	Di dời máy móc thiết bị, nhà vệ sinh di động	chuyển	2
III	Khu vực xung quanh		
1	Cải tạo đường ngoài mở	m ²	1.680
2	Cải tạo mương thoát nước ngoài mở	m ³	33,6
IV	Chi phí khác		
1	Duy tu, bảo trì công trình	lần	1,0

b. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là **245.557.000 đồng** (Hai trăm bốn mươi năm triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

- Chủ dự án thực hiện ký quỹ như sau: Số lần ký quỹ 13 (Mười hai) lần, cụ thể:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu (20%): **49.111.000 đồng**; thời gian thực hiện việc ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ 12 (Mười hai) lần tiếp theo, số tiền mỗi lần: **16.370.000 đồng**; việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi trong khoảng thời gian không quá 7 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Số tiền nêu trên chưa tính đến yếu tố trượt giá năm tiếp theo sau năm 2025. Số tiền trượt giá hàng năm sẽ được Chủ dự án tự kê khai và nộp cùng với số tiền ký quỹ hàng năm của Dự án.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

Theo quy định tại Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số năm 2020 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng, khoáng sản; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ, đặc biệt là QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất đá, giám sát rung chấn trong quá trình nổ mìn, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất đá; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún, đá lăn, đá văng trong khu vực khai thác và các tuyến đường vận tải mỏ nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm, thông báo tới công nhân và dân cư xung quanh thời gian, kế hoạch nổ mìn và các hoạt động có rủi ro cao khác.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thường xuyên thực hiện giám sát sạt lở, sụt lún, an toàn nổ mìn, khả năng tiêu thoát nước của Dự án.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để bảo đảm an ninh, trật tự; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, khoáng sản, an toàn lao động, giao thông vận tải, phòng ngừa, ứng cứu sự cố sụt lở, sự cố thiên tai, cháy nổ, tai nạn lao động, rủi ro, sự cố môi trường; thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.